

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1015/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Phụng

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 542/2023/HNST ngày 06/6/2023 về việc: “tranh chấp ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: F T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Ngô Xuân K, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: F T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ý kiến của nguyên đơn - bà Lê Thị T, sinh năm 1984, tại đơn khởi kiện và Bản tự khai trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Xuân K tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40/KH, Quyền số 01/06 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 29/8/2006.

Trong quá trình chung sống, bà và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế và con cái. Bà T nhận thấy tình cảm giữa bà và ông K không còn, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hạnh phúc không thể đạt được và vợ

chồng bà đã ly thân từ năm 2018 đến nay nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Xuân K, sinh năm 1980.

- Về con chung: Có 02 con chung họ tên: Ngô Bảo T1 (nữ), sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo A (nữ), sinh ngày 26/11/2013.

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai trẻ Ngô Bảo T1, Ngô Bảo A, không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Việc bà muốn chấm dứt hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không nhằm mục đích khác.

Ngoài những chứng cứ đã cung cấp như Tòa án đã liệt kê ở trên, bà T không cung cấp gì thêm.

Bà T không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác tham gia tố tụng, do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của nguyên đơn - ông Ngô Xuân K, sinh năm 1980, tại đơn trình bày ý kiến và xin vắng mặt có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn. Ông đồng ý với yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà Lê Thị T. Ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện bị đơn ông Ngô Xuân K, cư trú: F T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn ông Ngô Xuân K có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì phiên tòa vẫn được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Theo Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định về việc Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với những vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, vụ án này Tòa án không thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm và Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị T và ông Ngô Xuân K tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40/KH, Quyền số 01/06 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 29/8/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

[5] Về yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T

Xét thấy, sau khi kết hôn, vợ chồng bà T và ông K chung sống không hạnh phúc, không quan tâm nhau, sống ly thân từ năm 2018, nay bà T xác nhận không còn tình cảm với ông Ngô Xuân K. Về phía ông K cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T, điều này cho thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Lê Thị T xin ly hôn ông Ngô Xuân K là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung:

Bà Lê Thị T và ông Ngô Xuân K thống nhất có 02 con chung họ tên: Ngô Bảo T1 (nữ), sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo A (nữ), sinh ngày 26/11/2013. Các đương sự thống nhất giao trẻ T1, trẻ Anh cho bà Lê Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, hai trẻ Trân, trẻ Anh hiện nay đang sống chung ổn định với mẹ là bà T, tại bản trình bày, trẻ T1 và trẻ Anh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của hai trẻ, xét cần giao hai trẻ Ngô Bảo T1 (nữ), sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo A (nữ), sinh ngày 26/11/2013 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận việc bà Lê Thị T không yêu cầu ông Ngô Xuân K cấp dưỡng nuôi con

Ông Ngô Xuân K được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông K thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về nợ chung và tài sản chung:

Bà Lê Lê Thị T khai không có và không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí:

Bà Lê Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Ngô Xuân K.

- Về con chung: có 02 con chung họ tên: Ngô Bảo T1 (nữ), sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo A (nữ), sinh ngày 26/11/2013. Sau ly hôn, giao trẻ Ngô Bảo T1 (nữ), sinh ngày 12/7/2007; Ngô Bảo A (nữ), sinh ngày 26/11/2013 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận việc bà Lê Thị T không yêu cầu ông Ngô Xuân K cấp dưỡng nuôi con. Ông Ngô Xuân K được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông K thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0016452 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Phượng